

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT VỀ VIỆC BIÊN SOẠN TÀI LIỆU BỔ TRỢ CHỮ HÁN CHO SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT NGÀNH NGÔN NGỮ NHẬT

Trần Thị Thanh Thủy*, Nghiêm Hồng Vân**

Chữ Hán là một phần quan trọng trong hệ thống chữ viết tiếng Nhật, nhưng việc học và ghi nhớ chữ Hán là thách thức lớn, đặc biệt với sinh viên năm nhất ngành Ngôn ngữ Nhật. Bài viết phân tích thực trạng giáo trình, tài liệu giảng dạy chữ Hán, làm rõ phương pháp giảng dạy của giảng viên và những khó khăn sinh viên gặp phải trong quá trình học tập tại Trường Đại học Hà Nội. Nghiên cứu sử dụng phương pháp khảo sát bằng hỏi đối với 153 sinh viên năm thứ nhất, kết hợp phân tích định lượng và định tính nhằm làm rõ nhu cầu, thói quen học tập và mức độ hiệu quả của các phương pháp học chữ Hán hiện tại. Kết quả khảo sát cho thấy sinh viên thiếu tài liệu bổ trợ để ôn tập và củng cố kiến thức. Từ đó, tác giả đưa ra một số đề xuất xây dựng tài liệu hỗ trợ học chữ Hán, với mục tiêu giúp sinh viên học tập hiệu quả, phát triển khả năng tự học và ứng dụng thực tiễn. Bài viết là nguồn tham khảo hữu ích cho giảng viên, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy tiếng Nhật.

Từ khóa: tiếng Nhật, chữ Hán, tài liệu bổ trợ, tự học, luyện tập.

Kanji constitutes an essential component of the Japanese writing system, yet mastering and memorizing it remains a significant challenge, particularly for first-year students majoring in Japanese Studies. This study analyzes the current situation of Kanji textbooks and teaching materials, clarifies teaching methods used by instructors, and explores the difficulties students encounter in their learning process at Hanoi University. It employed a questionnaire survey with 153 first-year students, combining quantitative and qualitative analysis to identify their needs, learning habits and the effectiveness of current Kanji learning methods. The survey results reveal that students lack supplementary resources for revision and reinforcement. On that basis, this study proposes several strategies for designing supplementary materials to facilitate more effective learning, promote learner autonomy, and enhance practical application. It serves as a useful reference for instructors of Japanese to improve their teaching quality.

Keywords: Japanese language, Kanji, supplementary materials, autonomous learning, practice.

* ThS., Khoa tiếng Nhật, Trường Đại học Hà Nội

** TS., Khoa tiếng Nhật, Trường Đại học Hà Nội

Email: thuyttjp@hanu.edu.vn; vannh@hanu.edu.vn

1. Đặt vấn đề

Chữ Hán là một phần quan trọng, không thể thiếu trong hệ thống chữ viết tiếng Nhật. Tuy nhiên, đối với sinh viên năm thứ nhất ngành Ngôn ngữ Nhật, việc học và ghi nhớ chữ Hán luôn được xem là một trong những thách thức lớn. Theo Hisamatsu (1989), người học không có nền tảng Hán tự thường gặp khó khăn không chỉ đến từ số lượng lớn chữ Hán cần học, mà còn từ việc làm quen với cách viết, cách đọc, ý nghĩa và cách sử dụng của từng chữ trong các ngữ cảnh khác nhau. Tại các cơ sở giảng dạy tiếng Nhật chuyên và không chuyên ở Việt Nam hiện nay, việc thiếu tài liệu hỗ trợ hoặc phương pháp giảng dạy phù hợp cũng khiến quá trình học chữ Hán của sinh viên trở nên khó khăn hơn.

Trong bối cảnh đó, nghiên cứu này không chỉ phân tích thực trạng giáo trình và tài liệu giảng dạy chữ Hán ở trong và ngoài nước, mà còn tìm hiểu phương pháp giảng dạy của giảng viên cũng như những khó khăn mà sinh viên gặp phải tại một trường đại học ở Hà Nội. Trên cơ sở những phát hiện từ khảo sát, nghiên cứu hướng tới việc đề xuất các giải pháp biên soạn tài liệu hỗ trợ, giúp sinh viên cải thiện hiệu quả học tập, phát triển khả năng tự học và ứng dụng thực tế. Những đề xuất này cũng nhằm cung cấp nguồn tham khảo hữu ích cho giảng viên, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy chữ Hán trong chương trình đào tạo tiếng Nhật.

2. Cơ sở lý luận và thực trạng sử dụng tài liệu giảng dạy chữ Hán

2.1. Cơ sở lý luận

Việc giảng dạy và học chữ Hán trong chương trình đào tạo tiếng Nhật là chủ đề

thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Theo Hisamatsu Shin (1989), người học không có nền tảng Hán tự thường gặp khó khăn trong việc tiếp cận chữ Hán và cần có các phương pháp trực quan như chiết tự, hình ảnh minh họa hoặc ngữ cảnh cụ thể để hỗ trợ ghi nhớ. Trong khi đó, nghiên cứu của Oomori Masami (2013) nhấn mạnh rằng sự kết hợp giữa lý thuyết chữ Hán và thực hành ứng dụng đóng vai trò then chốt trong việc nâng cao khả năng sử dụng chữ Hán trong đời sống và giao tiếp thực tế.

Tại Việt Nam, một số tác giả đã đề cập đến các khó khăn trong dạy và học chữ Hán. Nghiêm Hồng Vân (2018) cho rằng sinh viên Việt Nam thường thiếu nền tảng Hán tự, do đó tài liệu học tập cần thiết kế phù hợp với đặc điểm ngôn ngữ mẹ đẻ. Trần Thị Thanh Thủy (2023) đề xuất tích hợp thêm hoạt động luyện tập sáng tạo và hình ảnh hóa chữ Hán trong quá trình giảng dạy nhằm kích thích trí nhớ và tăng hứng thú học tập. Ngoài ra, một số bài viết tại các hội thảo chuyên ngành cũng đề cập đến việc áp dụng công nghệ để nâng cao khả năng tự học chữ Hán của sinh viên. Tuy nhiên, những nghiên cứu này vẫn còn phân tán, thiếu sự tích hợp giữa nội dung học chính khóa và tài liệu hỗ trợ bổ sung.

Trong nghiên cứu này, khung lý thuyết chính được sử dụng là lý thuyết học tập kiến tạo (constructivism) của Jean Piaget (1970) và Lev Vygotsky (1978), trong đó người học được coi là chủ thể kiến tạo tri thức thông qua trải nghiệm và tương tác. Đồng thời, lý thuyết đa trí thông minh (multiple intelligences) của Howard Gardner (1983) cũng được vận dụng để lý giải việc cần

thiết kế tài liệu học tập theo nhiều hình thức khác nhau: ngôn ngữ, hình ảnh, vận động... nhằm phù hợp với nhiều kiểu người học. Việc học chữ Hán không chỉ đơn thuần là ghi nhớ hình dạng ký tự, mà còn cần được gắn với ý nghĩa và ngữ cảnh cụ thể.

2.2. Thực trạng sử dụng tài liệu giảng dạy

Trong lĩnh vực giảng dạy tiếng Nhật, đặc biệt là chữ Hán, nhiều nghiên cứu và tài liệu hỗ trợ đã được phát triển tại ở cả trong và ngoài nước nhằm hỗ trợ người học vượt qua khó khăn trong việc học chữ Hán.

Tại Nhật Bản và một số quốc gia khác, các tài liệu đáng chú ý như *Basic Kanji Book*, phù hợp cho người mới bắt đầu, với cách trình bày khoa học, chia các chữ Hán thành các nhóm liên quan. Sách tập trung hướng dẫn chi tiết cách viết, cách đọc và giải thích ý nghĩa từng chữ Hán. Tuy nhiên, phần lớn nội dung được giải thích bằng tiếng Nhật và tiếng Anh, gây khó khăn cho người học Việt Nam không thông thạo hai ngôn ngữ này. Tài liệu này thiếu phần giải thích ngữ pháp và ngữ cảnh sử dụng chữ Hán, đòi hỏi người học phải có tài liệu hỗ trợ để hiểu sâu hơn.

Bên cạnh đó *Kanji Look and Learn* cũng là tài liệu phổ biến, phù hợp cho người mới bắt đầu, có thiết kế trực quan, sử dụng hình ảnh minh họa giúp người học dễ nhớ chữ Hán. Sách chia các chữ Hán theo các chủ đề thực tế, kèm cách viết, cách đọc và từ vựng liên quan. Tuy nhiên, sách được viết bằng tiếng Anh, tập trung chủ yếu vào việc nhận diện và ghi nhớ chữ Hán, thiếu bài tập thực hành và không đi sâu vào ngữ pháp hay ngữ cảnh sử dụng. Điều này khiến

người học gặp khó khăn khi áp dụng vào thực tế.

Các ứng dụng học chữ Hán như WaniKani, Anki, Kanji Study, LingoDeer...: tận dụng công nghệ để hỗ trợ việc học và ghi nhớ chữ Hán. Tuy nhiên, chúng thiên về việc nhận diện và ghi nhớ, thiếu phần luyện viết tay – một kỹ năng quan trọng trong học chữ Hán. Bên cạnh đó, nhiều ứng dụng yêu cầu trả phí để sử dụng các tính năng nâng cao, khiến người học bị hạn chế nếu không đầu tư tài chính.

Gần đây, các nghiên cứu tại Nhật Bản đã ứng dụng công nghệ AR (Augmented Reality) và VR (Virtual Reality) vào việc giảng dạy chữ Hán. Bên cạnh đó, trí tuệ nhân tạo (AI) được tích hợp vào các ứng dụng học tập để cá nhân hóa lộ trình học và tăng khả năng ghi nhớ thông qua tương tác trực tiếp. Xu hướng này đang chứng tỏ hiệu quả cao trong việc giúp người học ghi nhớ và sử dụng chữ Hán một cách sâu sắc và lâu dài.

Như vậy, có thể thấy mặc dù các tài liệu hỗ trợ và ứng dụng giảng dạy chữ Hán tại nước ngoài khá đa dạng và hiện đại, song đều được thiết kế dành cho đối tượng quốc tế, không chú trọng đến đặc thù người học Việt Nam. Sự khác biệt về ngôn ngữ và văn hóa khiến việc áp dụng những tài liệu này đôi khi không mang lại hiệu quả cao như mong đợi.

Tại Việt Nam, tiếng Nhật ngày càng trở thành ngôn ngữ phổ biến, được giảng dạy rộng rãi tại các trường học, trung tâm ngoại ngữ và trong các chương trình đào tạo doanh nghiệp. Cùng với đó, các tài liệu và nghiên cứu về chữ Hán cũng đã được phát

triển để đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng tăng cao.

Hiện nay, giáo trình “*Minna no nihongo Shokyu I Honsatsu*” là tài liệu giảng dạy phổ biến được sử dụng cho các học phần A1, A2 tại các trường đại học và trung tâm ngoại ngữ lớn. Tài liệu hỗ trợ chữ Hán của giáo trình này là “*Minna no nihongo Shokyu I Kanji*”, Tài liệu này tập trung vào việc giới thiệu chữ Hán, hướng dẫn cách đọc On và Kun, nhưng vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề như:

- Thiếu bài tập đa dạng và phong phú: Hầu như không có bài tập luyện viết tay, thực hành đặt câu hoặc sử dụng chữ Hán trong ngữ cảnh cụ thể, gây khó khăn cho người học khi muốn vận dụng chữ Hán vào thực tế.
- Thiếu hình ảnh minh họa trực quan: Người học phải ghi nhớ chữ Hán qua ký tự khô khan, không có sự hỗ trợ của hình ảnh để tăng cường khả năng ghi nhớ bằng thị giác.
- Không có hướng dẫn chi tiết bằng tiếng Việt: Khiến sinh viên sơ cấp gặp rào cản trong việc hiểu ý nghĩa và cách sử dụng chữ Hán.

Như vậy, có thể thấy mặc dù có nhiều tài liệu hỗ trợ, nhưng chưa có tài liệu nào được thiết kế đồng bộ và hỗ trợ toàn diện cho giáo trình “*Minna no Nihongo Shokyu I Kanji*”, gây khó khăn cho người học trong việc ôn tập và liên kết kiến thức. Các tài liệu hiện tại chưa đủ phong phú, sáng tạo hoặc chưa đáp ứng đặc thù người học Việt Nam, nhóm đối tượng gặp khó khăn lớn do không có nền tảng chữ Hán, chưa có sự kết hợp giữa bài tập ghi nhớ cơ bản với bài tập ứng dụng thực tế, làm hạn chế khả năng vận dụng chữ Hán.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Phương pháp nghiên cứu tài liệu

Chúng tôi đã tiến hành thu thập, tổng hợp và phân tích các tài liệu liên quan đến cơ sở lý thuyết về việc giảng dạy và học tiếng Nhật, đặc biệt là chữ Hán, cũng như các công trình nghiên cứu đã được công bố về các phương pháp học tập hiệu quả, qua đó xây dựng nội dung bảng hỏi, đưa ra ý tưởng thiết kế, góp phần phục vụ thiết thực cho các mục tiêu và nội dung khảo sát.

3.2. Phương pháp thu thập dữ liệu thông qua điều tra khảo sát

- Đối tượng khảo sát: 153 sinh viên năm thứ nhất ngành Ngôn ngữ Nhật tại Trường Đại học Hà Nội.
- Thời gian khảo sát: tháng 6/2023.
- Nội dung khảo sát: Phiếu khảo sát được thiết kế làm 02 phần: phần một gồm các câu hỏi thu thập thông tin về người học; phần hai gồm 3 câu hỏi trắc nghiệm và 3 câu hỏi tự luận, tập trung vào các vấn đề liên quan đến thực trạng dạy và học của sinh viên, câu hỏi về nguyện vọng và đề xuất của người học về chương trình, giáo trình/ tài liệu, thời lượng học... nhằm cải thiện chất lượng môn học. Để đánh giá mức độ sử dụng các phương pháp và hình thức luyện tập, khảo sát đưa ra thang đo gồm 5 mức độ: 1. Hoàn toàn không - 2. Hiếm khi - 3. thỉnh thoảng - 4 Thường xuyên; - 5. Luôn luôn.
- Hình thức khảo sát: khảo sát trực tiếp bằng phiếu hỏi.

3.3. Phương pháp phân tích dữ liệu

Dữ liệu thu thập từ bảng hỏi được xử lý và phân tích bằng phương pháp định lượng

và định tính. Đối với dữ liệu định lượng, chúng tôi sử dụng phần mềm Microsoft Excel để nhập, tổ chức và thực hiện thống kê mô tả. Đối với dữ liệu định tính, chúng tôi áp dụng phương pháp phân tích nội dung. Các câu trả lời được đọc kỹ, mã hóa và phân loại thành các chủ đề chính. Các ý kiến và trích dẫn tiêu biểu sẽ được sử dụng để minh họa.

4. Kết quả và bình luận

4.1. Phương pháp giảng dạy/ hoạt động luyện tập chữ Hán cho sinh viên

- Trình tự cơ bản khi giảng dạy chữ Hán của giảng viên

Kết quả khảo sát về trình tự cơ bản khi giảng dạy chữ Hán của giảng viên được tổng hợp ở Bảng 1:

Bảng 1: Trình tự cơ bản giảng dạy chữ Hán của giảng viên

TT	Trình tự cơ bản thầy/cô thực hiện trong giờ học chữ Hán	N = 153 ¹	Tỷ lệ %
1	Chiếu Slide hướng dẫn cách viết - cách phát âm - bộ thủ - âm Hán Việt - từ vựng liên quan	49	31,80%
2	Giới thiệu về cách viết - số nét - âm Hán Việt - cách đọc On - cách đọc Kun - các ví dụ	31	20,12%
3	Giới thiệu sơ bộ về chữ Hán - giải thích ý nghĩa - cách viết - cách đọc - ví dụ minh họa	14	9,10%
4	Giảng chi tiết từng chữ Hán về cách viết - cách đọc - nghĩa - từ vựng liên quan	10	6,50%
5	Giới thiệu từng chữ Hán - sinh viên ghi bài - ôn tập kiến thức đã học	7	4,55%
6	Giảng viên chiếu slide - sinh viên viết - sinh viên luyện đọc	1	0,65%

Kết quả thống kê trong Bảng 1 cho thấy có hơn 38% giảng viên áp dụng cách giảng dạy theo một trình tự nhất định, bao gồm việc hướng dẫn chi tiết cho người học về cách viết, cách phát âm, phân tích bộ thủ, âm Hán Việt và minh họa bằng các từ vựng liên quan. Ngoài ra, 20,12% giảng viên còn bổ sung thêm phần phân tích cách đọc On và Kun để sinh viên hiểu rõ hơn. Có 31 sinh viên không có câu trả lời (chiếm 20,78%)

và 10 ý kiến phản hồi (chiếm 6,5%) không trả lời đúng trọng tâm về trình tự học chữ Hán, mà thay vào đó tập trung vào việc đánh giá và nhận xét giờ học.

- Các hoạt động luyện tập được triển khai trong giờ học chữ Hán

Kết quả khảo sát về phương pháp dạy/ hoạt động luyện tập được triển khai trong giờ học chữ Hán được tổng hợp ở Bảng 2:

¹ N = 153: số lượng mẫu khảo sát (có 153 sinh viên tham gia khảo sát)

Bảng 2: Phương pháp dạy/ hoạt động luyện tập chữ Hán cho sinh viên

TT	Nội dung	N = 153 (4 + 5) ²	Tỷ lệ %
1	Hướng dẫn cách viết chữ Hán theo quy tắc	131	85,6%
2	Giới thiệu về tổng số nét của chữ Hán đó	99	64,3%
3	Giới thiệu về các bộ cấu thành chữ Hán đó	92	60,2%
4	Giới thiệu về âm Hán Việt của chữ Hán đó	150	98,1%
5	Giới thiệu về cách đọc On và Kun của chữ Hán đó	153	100%
6	Lấy các ví dụ về cách đọc On và Kun của chữ Hán đó	151	98,7%
7	Phân loại chữ Hán có cùng chức năng (theo hình dạng, nhóm ý nghĩa, nhóm cách sử dụng từ loại)	40	26,9%
8	Dạy chữ Hán theo bộ thủ	46	29,9%
9	Liên tưởng đến các hình ảnh sinh động	94	61,4%
10	Phương pháp chiết tự và giải nghĩa	64	42,4%
11	Thầy/ Cô gọi sinh viên lên bảng kiểm tra cách viết, cách đọc	36	23,8%
12	Thầy/ Cô cho sinh viên làm các bài tập về cách đọc, cách viết chữ Hán	93	60,7%

Từ bảng 2 có thể thấy, các phương pháp luyện tập được giảng viên thường xuyên sử dụng gồm: giới thiệu cách đọc On và Kun của chữ Hán (100%), lấy ví dụ minh họa về cách đọc On và Kun (98,7%), giới thiệu âm Hán Việt (98,1%) và hướng dẫn cách viết chữ Hán theo quy tắc (85,6%). Tuy nhiên, các hoạt động như phân loại chữ Hán có cùng chức năng, dạy chữ Hán theo bộ thủ, hay gọi sinh viên lên bảng kiểm tra cách viết và cách đọc chỉ chiếm dưới 30%.

Những hạn chế này cho thấy nhu cầu cấp thiết trong việc xây dựng tài liệu hỗ trợ học chữ Hán, đặc biệt là các tài liệu tích hợp hình ảnh minh họa, bài tập thực hành

theo bộ thủ... để đảm bảo cung cấp nền tảng vững chắc và tạo điều kiện để sinh viên phát triển khả năng tự học và ứng dụng thực tế. Điều này sẽ góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy chữ Hán và đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập của sinh viên năm thứ nhất ngành Ngôn ngữ Nhật.

4.2. Phương pháp học và luyện tập chữ Hán của sinh viên

• Phương pháp học chữ Hán

Kết quả khảo sát về phương pháp học chữ Hán của sinh viên được tổng hợp ở Bảng 3:

² (4 + 5): tổng số sinh viên chọn mức độ "thường xuyên" và "luôn luôn"
(ký hiệu về mức độ lựa chọn của sinh viên trong bảng khảo sát có thang đo 5 mức độ)

Bảng 3: Phương pháp học chữ Hán của người học

TT	Nội dung	N = 153 (4 + 5)	Tỷ lệ %
1	Viết đi viết lại nhiều lần	143	93,5%
2	Sử dụng chữ Hán thường xuyên thay vì dùng Hiragana	75	49%
3	Làm các bài tập về cách đọc, cách viết chữ Hán	51	33,3%
4	Học chữ Hán thông qua sách, báo, tin tức, phim ảnh	26	17%
5	Phân loại chữ Hán có cùng chức năng	18	11,8%
6	Học theo bộ thủ	44	28,8%
7	Liên tưởng đến các hình ảnh sinh động	49	32,2%
8	Phương pháp chiết tự và giải nghĩa	33	21,9%
9	Dựa vào âm Hán Việt để ghi nhớ âm On	76	49,6%
10	Dùng thẻ flashcard	31	20,3%
11	Sử dụng các ứng dụng phần mềm học chữ Hán	59	38,6%

Kết quả khảo sát trên cho thấy phương pháp học chữ Hán phổ biến nhất là tập viết nhiều lần, với 93,5% sinh viên lựa chọn. Điều này cho thấy đa số sinh viên tiếp cận chữ Hán theo cách học thuộc truyền thống, chủ yếu dựa vào việc lặp lại để ghi nhớ mặt chữ. Tuy nhiên, phương pháp này có thể không thực sự hiệu quả với tất cả sinh viên, đặc biệt là khi số lượng chữ Hán cần học ngày càng nhiều và mức độ phức tạp tăng dần. Bên cạnh đó, khoảng 49% sinh viên thường xuyên sử dụng chữ Hán thay vì Hiragana trong quá trình học, cho thấy sinh viên có ý thức rèn luyện khả năng sử dụng chữ Hán trong thực tế. Đồng thời, 49,6% sinh viên sử dụng âm Hán Việt để ghi nhớ âm On của chữ Hán, điều này cho thấy việc liên kết chữ Hán với tiếng Việt vẫn đóng vai trò quan trọng trong quá trình học tập. Tuy nhiên, chỉ 33,3% sinh viên làm các bài tập về cách đọc và cách viết chữ Hán, điều

này cho thấy mức độ luyện tập chưa đủ để nắm vững cách sử dụng chữ Hán trong các ngữ cảnh khác nhau. Phương pháp học chữ Hán qua sách báo, tin tức, phim ảnh chỉ đạt 17%, trong khi phân loại chữ theo chức năng chỉ chiếm 11,8%, cho thấy sinh viên chưa tận dụng hiệu quả các nguồn tài liệu đa dạng. Tương tự, học theo bộ thủ cũng chỉ đạt 11,8%, dù đây là cách giúp hiểu cấu trúc chữ và ghi nhớ lâu hơn. Một số phương pháp chưa được áp dụng rộng rãi như liên tưởng chữ Hán với hình ảnh (32,2%), chiết tự và giải nghĩa (21,9%), dùng flashcard (20,3%) và học qua ứng dụng phần mềm (38,6%). Dù giúp việc học trở nên trực quan, thú vị hơn, nhưng tỷ lệ sử dụng vẫn thấp, có thể do sinh viên chưa được hướng dẫn cụ thể hoặc thiếu tài liệu phù hợp.

Từ những phân tích trên, có thể thấy rằng sinh viên vẫn chủ yếu sử dụng phương

pháp truyền thống để học chữ Hán, trong khi các phương pháp học hiện đại và hiệu quả hơn chưa được áp dụng rộng rãi. Do đó, cần có những tài liệu hỗ trợ giúp sinh viên tiếp cận các phương pháp học đa dạng hơn, đặc biệt là thông qua hình ảnh minh họa, hệ thống hóa chữ Hán theo bộ thủ và chức năng, cũng như tăng cường bài tập ứng dụng thực tế. Điều này không chỉ giúp cải

thiện khả năng ghi nhớ chữ Hán mà còn nâng cao hiệu quả học tập một cách hiệu quả.

- Mức độ tự học và luyện tập chữ Hán

Chúng tôi đã thu về 148/153 câu trả lời từ khảo sát về đánh giá mức độ tự học và luyện tập chữ Hán ngoài giờ học của sinh viên, kết quả đánh giá được trình bày trong Bảng 4:

Bảng 4: Đánh giá mức độ tự học và luyện tập chữ Hán ngoài giờ học của sinh viên

Mức độ tự học	Số lượng	Tỷ lệ %
5. Luôn luôn	12	8,11%
4. Hay	78	52,70%
3. thỉnh thoảng	54	36,49%
2. Hiếm khi	4	2,70%
1. Hoàn toàn không	0	0,00%
Tổng cộng	148	100%

Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn sinh viên có thói quen tự học chữ Hán ngoài giờ học trên lớp, với 60,8% số người tham gia khảo sát thường xuyên tự học. Trong đó, 8,1% luôn luôn tự học và 52,7% thường xuyên tự học. Điều này, cho thấy sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của việc tự học để củng cố kiến thức trên lớp. Ngoài ra, có 36,5% sinh viên thỉnh thoảng tự học, cho thấy họ không duy trì việc học một cách đều đặn mà có thể chỉ học khi cần thiết. Chỉ có 2,7% sinh viên hiếm khi tự học và không có sinh viên nào hoàn toàn không tự học chữ Hán.

Để khuyến khích sinh viên tự học chữ Hán hiệu quả hơn, giáo viên có thể hỗ trợ sinh viên tiếp cận các phương pháp học tập phù hợp, hướng dẫn sử dụng các ứng dụng hỗ trợ học chữ Hán và tạo môi trường học tập hấp dẫn. Đồng thời, việc khuyến khích

sinh viên duy trì thói quen học hàng ngày cũng đóng vai trò quan trọng. Ngoài ra, giáo viên có thể giao bài tập luyện chữ Hán, tổ chức các buổi ôn tập hoặc kiểm tra định kỳ nhằm giúp sinh viên rèn luyện thường xuyên và nâng cao hiệu quả học tập.

- Lý do sinh viên ít dành thời gian vào việc tự học và luyện chữ Hán ngoài giờ học chữ Hán trên lớp

Kết quả khảo sát cho thấy sinh viên ít dành thời gian cho việc tự học chữ Hán phần lớn là do tâm lý ngại khó, thiếu động lực và thiếu phương pháp học hiệu quả. Các lý do được đưa ra có thể chia thành ba nhóm như sau:

(1) Chữ Hán khó nhớ, dễ quên, gây nản chí: Nhiều sinh viên cho rằng chữ Hán “khó viết và khó nhớ, học thường nhớ trước quên sau” (S16), “khó nhớ các ký tự nên bị nản khi tự học” (S2), “mãi không thuộc, lại

nhanh quên nên rất nản khi học thuộc chữ Hán” (S12), hoặc “học rồi nhưng vẫn thấy khó nhớ lắm” (S11) và cho rằng “lượng từ mới và chữ Hán phải nhớ trong thời gian ngắn là quá nhiều” (S80).

(2) Chưa tìm ra phương pháp học phù hợp, dẫn đến thụ động: Một số sinh viên chia sẻ không biết bắt đầu từ đâu như “không biết nên luyện bộ thủ trước hay viết cả từ và lấy ví dụ” (S4), “chưa tìm được phương pháp học chữ Hán hiệu quả nên dẫn đến chệnh mảng” (S30) hoặc cho rằng “nếu không được cô giao bài tập thì sẽ không chủ động học được” (S9).

(3) Thiếu thời gian, tài liệu và môi trường học tập hỗ trợ: Có sinh viên cho rằng “lịch học kín, chữ Hán ngày càng nhiều, chỉ nhớ cách đọc chứ quên cách viết” (S10) hoặc “không có đủ tài liệu, bài tập phù hợp” (S17). Ngoài ra, một số ý kiến còn đề cập đến lý do cá nhân như “ý thức chưa tốt” (S120), “chưa chăm học” (S102) hoặc “phân chia thời gian chưa hợp lý, có nhiều cảm dỗ” (S33).

Để khắc phục tình trạng trên, giáo viên có thể áp dụng một số phương pháp nhằm nâng cao hiệu quả học tập và tạo động lực cho sinh viên như đổi mới phương pháp giảng dạy, kết hợp lý thuyết với thực hành thông qua các hoạt động trực quan như học chữ Hán bằng hình ảnh, câu chuyện, ứng dụng công nghệ để giúp sinh viên ghi nhớ dễ dàng và hứng thú hơn. Bên cạnh đó, giáo viên nên giao bài tập, tổ chức kiểm tra định kỳ, giúp sinh viên ôn tập thường xuyên, tránh học đối phó khi đến kỳ thi. Ngoài ra, việc cung cấp tài liệu phù hợp với trình độ và hướng dẫn cách sử dụng hiệu quả cũng

đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ sinh viên tự học chữ Hán.

4.3. Đề xuất của sinh viên

Những đề xuất của sinh viên về lịch trình, giáo trình, thời lượng học được chúng tôi tổng hợp và chia thành 2 nội dung chính:

- Về phương pháp giảng dạy, hình thức luyện tập, giáo trình, tài liệu hỗ trợ

(1) Tăng cường luyện tập và ghi nhớ chữ Hán

Đa số ý kiến tập trung vào việc cần thêm bài tập chữ Hán: Các đề xuất như "giao thêm nhiều bài tập chữ Hán" (S20, S129), "nhiều bài tập về chữ Hán hơn" (S24), "tăng thời gian luyện tập, có thêm bài tập về nhà" (S67), "nhiều bài luyện tập chữ Hán về nhà" (S77), "thêm những bài tập chữ Hán" (S150) cho thấy sinh viên nhận thức rõ tầm quan trọng của việc thực hành thường xuyên. Ngoài ra, sinh viên cũng bày tỏ mong muốn được kiểm tra thường xuyên. Điều này thể hiện qua các ý kiến về "bài test nhỏ trước hoặc sau mỗi buổi học" (S23), "kiểm tra đột xuất" (S61), "bài chữ Hán nhỏ để hôm sau kiểm tra" (S53) và "nhiều bài kiểm tra chữ Hán hơn" (S133). Những đề xuất này cho thấy sinh viên mong muốn có các hình thức đánh giá liên tục để theo dõi sự tiến bộ và tạo động lực học tập.

(2) Cải thiện phương pháp giảng dạy và tài liệu học tập theo hướng trực quan, chi tiết và có hệ thống

Các đề xuất như "giới thiệu hết cách đọc và ví dụ" (S36), "nhiều ví dụ về các cách đọc khác" (S54) cho thấy sinh viên mong muốn nắm vững cách sử dụng chữ Hán

trong nhiều ngữ cảnh khác nhau. Bên cạnh đó, các ý kiến như "thêm nhiều hình ảnh sinh động" (S144), "đề cập đến bộ thủ, số nét, hình ảnh liên tưởng" (S136), "học chi tiết về bộ thủ, ngữ cảnh sử dụng và mở rộng thêm từ mới" (S87) và "tự học và kiểm tra, ôn tập phân tích chữ Hán trên lớp. Học thêm về bộ thủ, cách sử dụng chữ Hán nhiều hơn. Cách phân loại chữ Hán" (S97) cho thấy sinh viên có nhu cầu học chữ Hán một cách hệ thống, trực quan và có sự liên kết để dễ dàng ghi nhớ hơn. Ngoài ra, mong muốn có "tài liệu hỗ trợ viết bằng tiếng Việt để tự học và ôn lại bài" (S70) cho thấy sinh viên cần sự hỗ trợ bằng ngôn ngữ mẹ đẻ để hiểu sâu và tự học hiệu quả hơn.

(3) Đa dạng trong hình thức luyện tập và ứng dụng

Các đề xuất như "làm các bài tập đa dạng và phong phú" (S34), "bài tập trắc nghiệm về cách đọc, cách viết chữ Hán như trong thi JLPT" (S49), "bài tập áp dụng các chữ Hán đã học" (S61) cho thấy sinh viên mong muốn được luyện tập với nhiều hình thức khác nhau để tăng tính thú vị và hiệu quả của việc học. Bên cạnh đó, các đề xuất "có nhiều bài đọc về chữ Hán vừa học để được gặp chữ Hán nhiều hơn" (S99), "tạo môi trường tiếng Nhật trong mỗi giờ" (S28) cho thấy sinh viên mong muốn được tiếp xúc và sử dụng chữ Hán trong các tình huống thực tế hơn.

- Về thời lượng học

(1) Đa dạng trong quan điểm về thời lượng học trên lớp: Ý kiến của sinh viên về thời lượng học chữ Hán trên lớp khá đa dạng. Một số sinh viên (S22, S106) cho rằng thời lượng học chữ Hán trên lớp có thể

giảm bớt, ưu tiên tăng cường bài tập về nhà và tự học. Tuy nhiên, một số sinh viên (S123, S83, S147, S101) lại bày tỏ mong muốn tăng thời lượng học trên lớp. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc cảm thấy thời gian hiện tại không đủ để tiếp thu kiến thức, đặc biệt khi môn học khác (ngữ pháp) cũng được giảng dạy trong cùng buổi (S83), hoặc do thời gian giới thiệu chữ Hán trên lớp quá ngắn (S101)... Bên cạnh đó, một số sinh viên khác lại mong muốn các thầy, cô điều chỉnh tốc độ giảng dạy và phân bổ thời gian học một cách hợp lý hơn (S139, S94, S47, S34), mong muốn tốc độ giảng dạy chậm hơn để có thể tiếp thu và ghi nhớ kiến thức hiệu quả hơn (S139, S47), đồng thời đề xuất phân bổ thời gian học chữ Hán đều đặn trong tuần để tránh tình trạng học dồn dập, gây khó khăn trong việc ôn tập và nắm vững kiến thức (S94).

(2) Tăng cường luyện tập và củng cố kiến thức: Mặc dù có những ý kiến khác nhau về thời lượng học trên lớp, nhưng đa số sinh viên đều nhấn mạnh sự cần thiết của việc tăng cường bài tập về chữ Hán (S93, S106, S22, S123, S60). Điều này cho thấy sinh viên nhận thức rõ vai trò của việc thực hành trong việc ghi nhớ và vận dụng chữ Hán. Bên cạnh đó, mong muốn được kiểm tra thường xuyên cũng được nhiều sinh viên đề xuất thông qua các hình thức như kiểm tra đột xuất (S106) và tăng cường đề luyện (S60) cho thấy sinh viên mong muốn có các hình thức đánh giá thường xuyên để theo dõi tiến độ và tạo động lực học tập.

Ý kiến về thời lượng học của sinh viên đa dạng, nhưng đều nhấn mạnh nhu cầu tăng cường luyện tập chữ Hán qua nhiều bài tập và hình thức kiểm tra thường xuyên.

Như vậy, kết quả khảo sát trên tương đối phù hợp với các nghiên cứu trước đó tại Việt Nam về khó khăn trong việc dạy và học chữ Hán. Phạm Thị Hồng (2019) cho rằng sinh viên Việt Nam thường gặp trở ngại lớn trong việc tiếp cận chữ Hán do thiếu nền tảng chữ Hán và phương pháp học phù hợp. Trong kết quả khảo sát này cho thấy nhiều sinh viên vẫn sử dụng phương pháp học viết đi viết lại, trong khi các hình thức học như học theo bộ thủ, học qua hình ảnh hay ứng dụng công nghệ vẫn chưa được áp dụng nhiều.

Nghiên cứu của Oomori Masami (2013) nhấn mạnh rằng việc học chữ Hán hiệu quả cần kết hợp giữa lý thuyết và thực hành. So với kết quả trên, có thể thấy rằng sinh viên hiện vẫn học chữ Hán theo kiểu tách biệt khỏi ngữ cảnh. Như vậy cần thiết phải thiết kế hoạt động luyện tập tích hợp: không chỉ dừng lại ở việc học mặt chữ mà còn hướng đến khả năng sử dụng chữ Hán trong ngữ nghĩa và ngữ dụng thực tiễn.

5. Đề xuất về việc xây dựng tài liệu hỗ trợ

5.1. Cơ sở đề xuất

Dựa vào thực trạng về giáo trình, tài liệu giảng dạy chữ Hán cũng như kết quả khảo sát của sinh viên sau khi kết thúc học phần, có thể nhận thấy rằng sinh viên đang gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận và ghi nhớ chữ Hán một cách hiệu quả. Những khó khăn này xuất phát từ một số nguyên nhân sau:

(1) Phương pháp giảng dạy hiện tại chủ yếu tập trung vào việc truyền đạt kiến thức lý thuyết, hướng dẫn cách viết chữ Hán theo

từng nét, cách đọc On, Kun và âm Hán Việt. Mặc dù phương pháp này giúp sinh viên nắm được quy tắc cơ bản nhưng chưa thực sự hiệu quả trong việc ghi nhớ lâu dài hay ứng dụng vào thực tế, dẫn đến việc học tập trở nên khó khăn và ít hứng thú.

(2) Theo khảo sát, có đến 93,5% sinh viên lựa chọn phương pháp viết lại nhiều lần để ghi nhớ chữ Hán. Đây là phương pháp học thụ động và chưa hiệu quả, đặc biệt là với số lượng chữ Hán lớn và phức tạp. Các phương pháp học hiện đại như liên tưởng hình ảnh, sử dụng flashcard, học theo bộ thủ, ứng dụng công nghệ số vẫn chưa được phổ biến rộng rãi.

(3) Những khó khăn sinh viên gặp phải: Đa số sinh viên cho rằng chữ Hán khó nhớ, dễ quên, đặc biệt là khi không có phương pháp học tập khoa học. Ngoài ra, hệ thống tài liệu ôn tập còn thiếu tính thực tiễn, chưa có hướng dẫn cụ thể về cách ghi nhớ và sử dụng chữ Hán trong các ngữ cảnh khác nhau.

(4) Nguyên vọng của sinh viên: Sinh viên mong muốn có nhiều bài tập ứng dụng hơn, tài liệu giải thích rõ ràng, chi tiết bằng tiếng Việt, các bài tập trắc nghiệm tương tự JLPT và các hoạt động kiểm tra định kỳ để giúp duy trì động lực học tập.

Những thực trạng trên cho thấy việc biên soạn tài liệu hỗ trợ học chữ Hán là vô cùng cần thiết để giúp sinh viên cải thiện khả năng ghi nhớ, nâng cao hiệu quả học tập và ứng dụng tốt hơn vào thực tiễn.

5.2. Đề xuất biên soạn tài liệu hỗ trợ

Để giải quyết những vấn đề trên, chúng tôi đề xuất biên soạn tài liệu hỗ trợ chữ Hán với mục tiêu và cấu trúc như sau:

5.2.1. Mục tiêu của tài liệu hỗ trợ

Tài liệu hỗ trợ được xây dựng nhằm hỗ trợ sinh viên trình độ sơ cấp trong quá trình học tập và rèn luyện chữ Hán, cụ thể là các chữ Hán được giảng dạy trong giáo trình *Minna no Nihongo Shokyu I - Kanji*. Tài liệu hướng đến các mục tiêu sau:

Thứ nhất, hỗ trợ cho giáo trình chính: Hệ thống kiến thức và bài tập bám sát nội dung chữ Hán trong giáo trình *Minna no Nihongo Shokyu I - Kanji*, giúp sinh viên củng cố kiến thức đã học trên lớp.

Thứ hai, hỗ trợ người học nắm vững chữ Hán cơ bản: Trình bày đầy đủ và dễ hiểu về cách viết, ý nghĩa, âm Hán Việt, cách đọc On và Kun của từng chữ Hán. Cung cấp từ vựng và ví dụ minh họa cụ thể để người học hiểu và ghi nhớ cách sử dụng chữ Hán trong ngữ cảnh thực tế. Tạo nền tảng vững chắc cho người học tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn. Xây dựng hệ thống bài tập có tính hệ thống và lũy tiến, giúp người học nắm vững kiến thức cơ bản và sẵn sàng tiếp cận chữ Hán ở trình độ cao hơn.

Thứ ba, nâng cao năng lực học tập và tính ứng dụng: Thiết kế bài tập đa dạng, sinh động để tạo hứng thú và tăng hiệu quả tự học. Tài liệu có thể được sử dụng linh hoạt trong lớp học hoặc học trực tuyến. Thiết kế các bài tập ứng dụng giúp người học sử dụng chữ Hán trong việc đọc hiểu, viết câu và giao tiếp, từ đó nâng cao kỹ năng ngôn ngữ toàn diện.

Thứ tư, hỗ trợ cho công tác giảng dạy: Cung cấp tài liệu hỗ trợ giúp giáo viên tiết kiệm thời gian soạn bài và có thêm công cụ kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

5.2.2. Cấu trúc tài liệu hỗ trợ

Tài liệu hỗ trợ gồm 02 phần chính: phần giới thiệu chữ Hán và phần bài tập luyện.

• Phần 1: Giới thiệu chữ Hán

Cung cấp 250 chữ Hán, mỗi mục chữ Hán trong bài bao gồm: hình dạng chữ với minh họa rõ ràng về thứ tự các nét viết; số nét, bộ thủ, âm Hán Việt; ý nghĩa của chữ Hán; cách đọc On, Kun; cùng các ví dụ về từ vựng có cách đọc On, Kun (kèm âm Hán Việt, nghĩa tiếng Việt); các ví dụ về câu đơn/ đoạn hội thoại ngắn có sử dụng chữ Hán có cách đọc On, Kun mà sinh viên cần phải học và nhớ trong bài học đó.

• Phần 2: Bài tập luyện với các dạng bài:

(1) Bài tập luyện viết chữ Hán theo nét, viết cách đọc của chữ Hán, viết chữ Hán từ từ vựng cho trước bằng chữ Hiragana: giúp sinh viên rèn kỹ năng viết chuẩn; củng cố kiến thức về cách viết, cách đọc, vốn từ vựng; tăng khả năng nhận diện, sử dụng chữ Hán; tạo nền tảng để phát triển kỹ năng đọc hiểu; rèn sự kiên nhẫn và tập trung.

(2) Bài tập hỗ trợ nhận diện và gắn kết chữ Hán với hình ảnh: giúp sinh viên nhận diện và ghi nhớ chữ Hán thông qua hình ảnh minh họa trực quan, sinh động, giúp tăng cường khả năng ghi nhớ và tạo hứng thú, động lực học cho sinh viên... Bài tập sẽ được thiết kế dưới hình thức: nhận diện chữ Hán qua hình ảnh; chọn hình ảnh phù hợp với chữ Hán. Bài tập chiết tự chữ Hán được thiết kế theo hình thức: ghép các bộ phận để tạo thành chữ Hán hoàn chỉnh, giúp sinh viên hiểu sâu về cấu trúc và ý nghĩa của chữ Hán.

(3) Bài tập phân loại chữ Hán theo bộ thủ, nhóm ý nghĩa và số nét. Bài tập phân loại chữ Hán theo bộ thủ: giúp sinh viên củng cố kiến thức, rèn luyện kỹ năng nhận diện và phân tích chữ Hán một cách hiệu quả. Bài tập sẽ được thiết kế theo hình thức: tìm các chữ Hán thuộc một bộ thủ cho trước; sắp xếp các chữ Hán theo bộ thủ. Bài tập phân loại chữ Hán theo nhóm ý nghĩa và số nét: giúp tăng tính logic khi học, giúp sinh viên dễ dàng ghi nhớ và so sánh các chữ Hán. Bài tập sẽ được thiết kế theo hình thức: phân loại chữ Hán theo nhóm ý nghĩa; phân loại chữ Hán theo số nét.

(4) Bài tập tăng cường kỹ năng ứng dụng bao gồm: Bài tập đọc hiểu, đặt câu, viết văn và bài tập tương tự bài thi JLPT. Bài tập đọc hiểu, đặt câu, viết văn giúp sinh viên phát triển các kỹ năng đọc, viết và sử dụng chữ Hán, được thiết kế theo hình thức: đọc đoạn văn ngắn và trả lời các câu hỏi; đặt câu có sử dụng các chữ Hán cho trước; viết một đoạn văn ngắn về một chủ đề quen thuộc. Bài tập tương tự bài thi JLPT giúp sinh viên làm quen với định dạng đề thi, rèn luyện kỹ năng làm. Nội dung tham khảo theo cấu trúc đề thi JLPT, kèm đáp án và giải thích chi tiết để sinh viên tự đánh giá.

6. Kết luận

Việc học chữ Hán luôn là một thách thức lớn đối với sinh viên năm thứ nhất ngành Ngôn ngữ Nhật, đặc biệt trong bối cảnh hiện nay khi giáo trình và tài liệu giảng dạy chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu thực tiễn học tập. Kết quả khảo sát đã chỉ ra rằng về phương pháp giảng dạy, tuy giảng viên đã có nỗ lực trong việc hướng

dẫn cách viết, cách đọc và phân tích âm Hán Việt, nhưng vẫn còn thiếu tính trực quan và chưa phát huy hết vai trò chủ động của người học. Trong khi đó, phương pháp tự học của sinh viên vẫn chủ yếu mang tính thụ động, với tỷ lệ cao sử dụng hình thức “viết lặp lại nhiều lần”, nhưng lại ít ứng dụng các phương pháp hiện đại như học theo bộ thủ, hình ảnh minh họa, sử dụng phần mềm học tập.

Những bất cập nêu trên khẳng định, rằng việc biên soạn một bộ tài liệu hỗ trợ chữ Hán phù hợp với đặc điểm của người học Việt Nam là hết sức cần thiết. Tài liệu này không chỉ đóng vai trò hỗ trợ giảng dạy, mà còn cần hướng đến việc phát triển kỹ năng tự học, khơi dậy hứng thú và tăng khả năng ghi nhớ, ứng dụng chữ Hán của sinh viên trong thực tế. Đồng thời, tài liệu này còn hỗ trợ giảng dạy, cung cấp công cụ hữu ích cho giáo viên trong việc giảng dạy chữ Hán một cách hiệu quả và sinh động hơn, giảm gánh nặng trong việc chuẩn bị bài giảng và tăng hiệu quả giảng dạy.

Tài liệu hỗ trợ không chỉ hỗ trợ học viên Việt Nam học chữ Hán hiệu quả hơn mà còn góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy tiếng Nhật tại các trung tâm và trường học trong nước. Đây là bước đi quan trọng để hoàn thiện hệ thống giảng dạy tiếng Nhật tại Việt Nam, đáp ứng yêu cầu của quá trình hội nhập và phát triển quốc tế.

Mặc dù nghiên cứu đã cung cấp cái nhìn tổng quan về thực trạng dạy và học chữ Hán của sinh viên năm thứ nhất ngành Ngôn ngữ Nhật tại Trường Đại học Hà Nội, song vẫn tồn tại một số hạn chế như: phạm vi khảo sát giới hạn trong một cơ sở đào

tạo; dữ liệu thu thập chủ yếu dựa trên bảng hỏi tự điền, nên có thể chịu tác động chủ quan; chưa đi sâu vào việc đo lường hiệu quả cụ thể của từng phương pháp học chữ Hán trong thực tiễn học tập và kiểm tra đánh giá. Trong các nghiên cứu tiếp theo, chúng tôi sẽ tiến hành mở rộng đối tượng khảo sát, kết hợp các phương pháp nghiên cứu định lượng và định tính sâu hơn như phỏng vấn, quan sát lớp học, thực nghiệm sư phạm..., đồng thời tiến hành thử nghiệm thực tế việc sử dụng tài liệu hỗ trợ để hoàn thiện về nội dung và cấu trúc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chương trình chi tiết ngôn ngữ Nhật (2022), Trường Đại học Hà Nội.
2. Nghiêm Hồng Vân (2018). *Kinh nghiệm và định hướng đào tạo tiếng Nhật tại Trường Đại học Hà Nội*. Kỷ yếu HTQT do hội nghiên cứu văn hóa Châu Á và Trung tâm đào tạo và giao lưu Việt - Nhật phát hành.
3. Nguyễn Thị Minh Thư. (2020). Khó khăn trong việc dạy và học chữ Hán cho sinh viên không chuyên tiếng Nhật tại Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ – Đại học Quốc gia Hà Nội*, 36(4), 45–52.
4. Phạm Thị Hồng. (2019). *Thực trạng và giải pháp trong việc dạy chữ Hán tại các trường đại học ở Việt Nam*. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, 21(2), 105–111.
5. Trần Thị Thanh Thủy (2023). Đề xuất một số phương pháp giảng dạy chữ Hán trong giáo trình *Minna no Nihongo Shokyū I*. Kỷ yếu Hội thảo Khoa học giáo viên Khoa tiếng Nhật, Trường Đại học Hà Nội, 178-187.
6. 3A Corporation. (2014). *Minna no Nihongo Shokyū I: Honsatsu* [Japanese for Everyone: Elementary I – Main Textbook]. 3A Corporation.
7. 3A Corporation. (2014). *Minna no Nihongo Shokyū I: Kanji* [Japanese for Everyone: Elementary I – Kanji Practice Book]. 3A Corporation.
8. Gardner, H. (1983). *Frames of mind: The theory of multiple intelligences*. New York: Basic Books.
9. Hisamatsu, S. (1989). *Kanji wo dou oshieru ka* [How to teach Kanji]. ALC Publishing
10. Japan Times. (2009). *Kanji look and learn*. The Japan Times.
11. Oomori, M., & Suzuki, E. (2013). *Kanjijugyō no tsukurikata hen: Imasara kikenai jugyō no kihon* [How to design Kanji classes: Basic principles you can't ask about anymore]. ALC Publishing.
12. Piaget, J. (1970). *Science of education and the psychology of the child*. Orion Press.
13. Vygotsky, L. S. (1978). *Mind in society: The development of higher psychological processes*. Harvard University Press.
14. Chase Colburn. (n.d.). *Kanji Study* [Mobile application]. Google Play Store. <https://play.google.com/store/apps/details?id=com.mindtwisted.kanjistudy>
15. Damien Elmes. (n.d.). *Anki* [Flashcard software]. <https://apps.ankiweb.net>
16. LingoDeer. (n.d.). *LingoDeer* [Mobile application]. <https://www.lingodeer.com>
17. Tofugu. (n.d.). *WaniKani* [Online application]. <https://www.wanikani.com>

(Ngày nhận bài: 25/02/2025; ngày duyệt đăng: 17/6/2025)